

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**LÊ XUÂN NGUYỄN**

*PHÁT TRIỂN NGÀNH CHẾ BIẾN GỖ*

*TỈNH BÌNH ĐỊNH*

**Chuyên ngành: Kinh tế phát triển**

**Mã số: 60.31.05**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

**Đà Nẵng – Năm 2011**

Công trình được hoàn thành tại  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học:

TS. Đỗ Ngọc Mỹ

Phản biện:.....

.....

Phản biện 2: .....

.....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng  
chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ **chuyên ngành**  
***Kinh tế phát triển*** họp tại Đại học Đà Nẵng vào  
ngày..... tháng ..... năm .....

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Bình Định đang trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa và phấn đấu trở thành tỉnh công nghiệp vào năm 2020. Để đạt được mục tiêu này đòi hỏi tất cả các ngành công nghiệp trong tỉnh phải nỗ lực vươn lên, vận động và phát triển theo xu hướng chung của toàn cầu. Trong những năm qua, Bình Định là 1 trong 4 tỉnh được xem là trung tâm chế biến gỗ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa của cả nước, với vai trò là một trong những ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh. Tuy nhiên, ngành chế biến gỗ của tỉnh vẫn còn nhiều yếu kém, hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành trên địa bàn chưa thực sự ổn định và bền vững. Trước thực trạng như vậy, tôi lựa chọn đề tài: *“Phát triển ngành chế biến gỗ tỉnh Bình Định”* làm hướng nghiên cứu trong luận văn tốt nghiệp của mình.

### 2. Mục đích nghiên cứu

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về phát triển ngành chế biến gỗ.
- Đánh giá thực trạng hoạt động ngành chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn từ năm 2005 đến 2010, tìm ra những nguyên nhân làm hạn chế khả năng phát triển của ngành.
- Đề xuất các giải pháp phát triển ngành chế biến gỗ tỉnh Bình Định trong thời gian đến.

### 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu về ngành chế biến gỗ tỉnh Bình Định giai đoạn từ năm 2005 - 2010.

### 4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu chủ yếu là duy vật biện chứng, dựa vào điều tra, quan sát, phân tích và nhận định, phương pháp thống kê, so sánh về ngành chế biến gỗ tỉnh Bình Định, tìm hiểu nguyên

nhân đề đưa ra giải pháp cho phù hợp.

### **5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài**

- Luận văn góp phần kiểm chứng các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển ngành chế biến gỗ.

- Qua đề tài nghiên cứu này, tác giả mong rằng có thể giúp các nhà hoạch định chính sách, đồng thời hỗ trợ các doanh nghiệp chế biến gỗ tỉnh Bình Định có cái nhìn tổng thể về mình (điểm mạnh, điểm yếu) để phát huy thế mạnh, hạn chế điểm bất lợi nhằm giúp doanh nghiệp phát triển trên thị trường trong và ngoài nước.

### **6. Cấu trúc của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và kiến nghị, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục; phần nội dung của luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về phát triển ngành chế biến gỗ.

Chương 2: Thực trạng về ngành chế biến gỗ tỉnh Bình Định trong giai đoạn 2005 – 2010.

Chương 3: Giải pháp phát triển ngành chế biến gỗ tỉnh Bình Định.

## **Chương 1**

### **CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN NGÀNH CHẾ BIẾN GỖ**

#### **1.1. Khái quát về phát triển ngành chế biến gỗ**

##### **1.1.1. Một số khái niệm**

###### **1.1.1.1. Sản xuất**

###### **1.1.1.2. Chế biến công nghiệp**

###### **1.1.1.3. Chế biến gỗ**

Chế biến gỗ là quá trình chuyển hóa gỗ nguyên liệu dưới tác dụng của thiết bị, máy móc hoặc công cụ, hóa chất để tạo thành các sản phẩm có hình dáng, kích thước, thành phần hóa học thay đổi hẳn so với nguyên liệu ban đầu.

###### **1.1.1.4. Ngành chế biến gỗ**

Ngành chế biến gỗ là ngành công nghiệp thuộc lĩnh vực sản xuất vật chất, có vai trò chủ đạo trong nền kinh tế. Nó khai thác nguồn nguyên liệu gỗ thông qua quá trình chế biến tạo thành nhiều sản phẩm nhằm thỏa mãn các nhu cầu khác nhau của xã hội.

#### *1.1.1.5. Các nguồn lực của ngành chế biến gỗ*

Các nguồn lực của ngành chế biến gỗ bao gồm: Nguồn lực về vốn, nguồn lực về nguyên liệu, nguồn lực về lao động và máy móc thiết bị để đánh giá khả năng phát triển của ngành.

#### *1.1.2. Ý nghĩa của phát triển ngành chế biến gỗ*

Chi qua chế biến gỗ tròn mới thành hàng loạt các sản phẩm thỏa mãn mọi nhu cầu của nền kinh tế quốc dân và đời sống xã hội.

Phát triển ngành chế biến gỗ là thúc đẩy nền kinh tế phát triển, giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người dân; việc phát triển ngành chế biến gỗ tập trung, theo quy hoạch nhằm góp phần bảo vệ môi trường và khai thác nguồn tài nguyên rừng được hiệu quả.

#### *1.1.3. Đặc điểm của ngành chế biến gỗ và ảnh hưởng của nó đến sự phát triển kinh tế – xã hội*

##### *1.1.3.1. Đặc điểm của ngành chế biến gỗ*

- a. Đối tượng lao động của ngành chế biến gỗ
- b. Công cụ lao động của ngành chế biến gỗ
- c. Phương pháp chế biến gỗ
- c1. Chế biến gỗ bằng phương pháp cơ giới kết hợp với kỹ thuật số
- c2. Chế biến gỗ bằng phương pháp hóa học

##### *1.1.3.2. Ảnh hưởng của ngành đến sự phát triển kinh tế – xã hội*

### **1.2. Nội dung của phát triển ngành chế biến gỗ**

#### *1.2.1. Số lượng các cơ sở chế biến gỗ*

Số lượng các cơ sở chế biến tăng, chứng tỏ hoạt động của ngành chế biến gỗ có nhiều thuận lợi và đạt hiệu quả trong kinh doanh. Số

lượng cơ sở tăng có thể diễn ra theo chiều sâu hoặc chiều rộng.

Hiện nay cả nước có khoảng 3.000 doanh nghiệp với công suất hoạt động tối thiểu 200 m<sup>3</sup> gỗ tròn/năm, trong đó khoảng 50% là cơ sở chế biến quy mô nhỏ. Trong số này có 970 doanh nghiệp chuyên chế biến xuất khẩu đồ gỗ, với 421 doanh nghiệp FDI đã tạo ra trên 50% giá trị kim ngạch xuất khẩu.

### **1.2.2. Quy mô các cơ sở chế biến gỗ**

#### *1.2.2.1. Theo quy mô vốn*

Quy mô về nguồn vốn thể hiện khả năng tài chính của doanh nghiệp, dựa vào tiêu chí phân loại doanh nghiệp theo nguồn vốn, cụ thể: Nguồn vốn từ 20 tỷ đồng trở xuống là doanh nghiệp nhỏ, từ 20 đến 100 tỷ là doanh nghiệp vừa. Nếu doanh nghiệp có quy mô vốn lớn thể hiện được khả năng đầu tư, mở rộng sản xuất.

Tính đến năm 2008, cả nước có 1.789 cơ sở chế biến gỗ quy mô siêu nhỏ có vốn nhỏ hơn 5 tỷ đồng (chiếm 67,7%), trong khi đó chỉ có 12 đơn vị cho quy mô vốn từ 200 tỷ trở lên (0,45%).

#### *1.2.2.2. Về nguồn nguyên liệu*

Đối với các doanh nghiệp chế biến gỗ, nguyên vật liệu thường chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh. Do nguồn nguyên liệu trong nước không đủ cung cấp nên Việt Nam phải nhập khẩu một khối lượng tương đối lớn nguyên liệu gỗ từ các nước trong khu vực và trên thế giới.

#### *1.2.2.3. Theo nguồn nhân lực*

Chất lượng đội ngũ lao động, cán bộ quản lý là yếu tố quyết định hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó ảnh hưởng đến năng lực phát triển của doanh nghiệp.

Năm 2005 bình quân là 63,35 lao động/doanh nghiệp, năm 2007 là 99,3 lao động/doanh nghiệp. Hiện tại ngành đang thu hút khoảng

250.000 lao động. Lực lượng lao động có tay nghề cao, có trình độ từ đại học trở lên được đào tạo bài bản còn chiếm tỷ lệ rất thấp, lao động có trình độ đại học còn ít, chỉ đạt dưới 10%.

#### *1.2.2.4. Theo thiết bị và công nghệ*

Những tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.

Chỉ khoảng 970 doanh nghiệp chuyên chế biến gỗ xuất khẩu, sử dụng công nghệ thiết bị trung bình và tiên tiến.

#### **1.2.3. Sản phẩm của ngành chế biến gỗ**

Sản phẩm của ngành chế biến gỗ không chỉ cung cấp trong nước mà còn xuất khẩu sang nhiều nước trên thế giới. Do đó yêu cầu chủng loại, chất lượng sản phẩm phải đáp ứng nhu cầu của từng đối tượng khách hàng.

##### *1.2.3.1. Các loại sản phẩm*

*a. Nhóm đồ gỗ mỹ nghệ*

*b. Nhóm đồ gỗ nội thất*

*c. Nhóm đồ gỗ ngoài trời*

*d. Nhóm sản phẩm gỗ kết hợp với các loại vật liệu khác*

*e. Nhóm sản phẩm gỗ ván nhân tạo*

##### *1.2.3.2. Chất lượng*

Chất lượng sản phẩm là yếu tố quan trọng nhất để nâng cao năng lực cạnh tranh cho sản phẩm. Chất lượng tốt đồng nghĩa với nhu cầu của người tiêu dùng được thoả mãn cao, tạo được niềm tin và nhờ vậy mà doanh thu của doanh nghiệp mới tăng, có điều kiện để mở rộng quy mô sản xuất và ngày càng khẳng định vị trí của mình.

#### **1.2.4. Liên kết trong sản xuất chế biến gỗ**

Liên kết trong ngành thể hiện “liên kết dọc” và “liên kết ngang”. Liên kết dọc là liên kết giữa các tác nhân trong chuỗi. Liên kết ngang là liên kết giữa các tác nhân trong cùng một khâu.

### **1.2.5. Thị trường ngành chế biến gỗ**

#### **1.2.5.1. Thị trường xuất khẩu**

Trong những năm qua, ngành chế biến và xuất khẩu sản phẩm gỗ đã có những bước phát triển vượt bậc, với kim ngạch xuất khẩu luôn tăng trưởng cao. Xu hướng này tạo ra lợi thế đặc biệt cho ngành chế biến gỗ thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng. Nhờ vậy, thị trường xuất khẩu sản phẩm gỗ của Việt Nam không ngừng được mở rộng. Đến hết năm 2009, sản phẩm gỗ Việt Nam đã có mặt trên 120 quốc gia với hàng ngàn mặt hàng khác nhau. Trong đó, 3 thị trường chính chiếm tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu lớn nhất là Hoa Kỳ (chiếm 38 – 44%), EU (chiếm 28 – 30%) và Nhật Bản (chiếm 12 – 15%).

#### **1.2.5.2. Thị trường nội địa**

Mặc dù ngành chế biến gỗ phát triển mạnh trong hơn 10 năm qua, tuy nhiên thị trường nội địa hầu như các doanh nghiệp còn bỏ ngỏ. Đây là một thị trường đầy tiềm năng (với trên 85 triệu dân) do đó nhu cầu về đồ gỗ nội thất ngày càng cao.

### **1.2.6. Kết quả và hiệu quả kinh tế của ngành chế biến gỗ**

#### **1.2.6.1. Kết quả đạt được của ngành**

Cùng với các ngành công nghiệp khác, ngành chế biến gỗ góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển, là một trong những ngành đem lại giá trị kim ngạch xuất khẩu cao của cả nước, giải quyết công ăn việc làm, kéo theo sự phát triển của các ngành công nghiệp phụ trợ.

#### **1.2.6.2. Những hạn chế của ngành**

- Chất lượng tăng trưởng thấp.
- Hiệu quả sản xuất kinh doanh còn thấp, sức cạnh tranh yếu.



### **1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển ngành chế biến gỗ**

#### ***1.3.1. Về vị trí địa lý***

Vị trí địa lý thuận lợi hay không thuận lợi tác động mạnh tới sự phân bố, mức độ tập trung các cơ sở chế biến gỗ, đồng thời ảnh hưởng đến khả năng thu hút đầu tư trong và ngoài nước.

#### ***1.3.2. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên***

Tài nguyên rừng, tài nguyên đất và khí hậu.

#### ***1.3.3. Các nhân tố kinh tế - xã hội***

Dân cư và nguồn lao động, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ ngành chế biến gỗ, đường lối, chính sách phát triển ngành chế biến gỗ.

### **1.4. Kinh nghiệm của các địa phương về phát triển ngành chế biến gỗ**

#### ***1.4.1. Ngành chế biến gỗ tỉnh Quảng Ngãi***

#### ***1.4.2. Ngành chế biến gỗ tỉnh Bình Dương***

#### ***1.4.3. Bài học kinh nghiệm***

Các doanh nghiệp cần nâng cao năng lực cạnh tranh, tìm hiểu thị trường, quảng bá thương hiệu, cơ cấu sản phẩm.

Chính quyền địa phương cần thực hiện các biện pháp để giúp doanh nghiệp như: cơ sở hạ tầng, cải cách thủ tục hành chính, thực hiện quy hoạch, xúc tiến thương mại, giải quyết vấn đề nguyên liệu.

### **Kết luận Chương 1**

Chương 1 đã đề cập tới những vấn đề mang tính chất khái quát, tổng quan sự phát triển của ngành chế biến gỗ. Qua phân tích nội dung phát triển ngành thì yếu tố nguồn lực về nguyên liệu, nhân công, thiết bị máy móc cũng như các nhân tố là những lực lượng tác động đến sự phát triển của ngành. Đặc biệt lưu ý đến nguồn lực về nguyên liệu hợp pháp sẽ tác động đến sự thành công của ngành chế

biển gỗ. Với những lý luận tổng quan và kinh nghiệm thực tiễn từ các địa phương sẽ là nền tảng để tiếp tục nghiên cứu thực trạng và giải pháp cho việc phát triển ngành chế biến gỗ tỉnh Bình Định được trình bày ở chương 2 và chương 3.

## **Chương 2**

### **THỰC TRẠNG VỀ NGÀNH CHẾ BIẾN GỖ TỈNH BÌNH ĐỊNH TRONG GIAI ĐOẠN 2005 – 2010**

#### **2.1. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành chế biến gỗ tỉnh Bình Định**

##### ***2.1.1. Vị trí địa lý***

Với vị trí địa lý thuận lợi, giao thông tương đối hoàn thiện, tài nguyên phong phú, lại nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Đây là những lợi thế để Bình Định thúc đẩy phát triển công nghiệp nói chung trong đó có ngành chế biến gỗ nói riêng.

##### ***2.1.2. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên***

###### ***2.1.2.1. Tài nguyên rừng***

Việc triển khai các dự án trồng rừng của tỉnh đã thật sự mang lại hiệu quả cao, diện tích rừng trồng hàng năm trên địa bàn tỉnh luôn đạt khá lớn và tỷ lệ thành rừng cũng đạt cao. Cụ thể đến năm 2010 trên địa bàn tỉnh đã có 88.132,8 ha rừng trồng. Trong đó, rừng trồng đặc dụng 1.241,9 ha; rừng trồng phòng hộ 25.271,3 ha; rừng trồng sản xuất 61.385,4 ha và rừng trồng ngoài diện tích quy hoạch 3 loại rừng trên là 234,2 ha. Như vậy, rừng trồng sản xuất chiếm tỷ trọng chủ yếu. Đây là nguồn cung cấp nguyên liệu gỗ trong tương lai cho ngành chế biến gỗ xuất khẩu của tỉnh.

###### ***2.1.2.2. Tài nguyên đất***

###### ***2.1.2.3. Khí hậu***

##### ***2.1.3. Điều kiện kinh tế - xã hội***

### *2.1.3.1. Tình hình phát triển kinh tế của tỉnh Bình Định*

Đến năm 2010 tỷ trọng của nhóm ngành nông – lâm nghiệp – thủy sản giảm xuống chỉ còn 35% (3.273,2 tỷ đồng), nhóm ngành dịch vụ tăng lên 36,4% (3.408,5 tỷ đồng) và nhóm ngành công nghiệp - xây dựng đã tăng lên 28,6% (2.681 tỷ đồng). Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ việc giảm dần tỷ trọng nông nghiệp để nhường chỗ cho công nghiệp và dịch vụ tăng lên cho thấy xu hướng tất yếu của một nền kinh tế đang phát triển đi lên.

### *2.1.3.2. Nguồn nhân lực*

Nguồn lao động hiện nay so với năm 1999: Số lao động không có chuyên môn kỹ thuật giảm 4,93%, còn số lao động có trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học và trên đại học đều tăng lên cả về số lượng và tỉ lệ trong cơ cấu lao động.

### *2.1.3.3. Cơ sở hạ tầng*

Có thể nói, Bình Định với vị trí địa lý thuận lợi về giao thông, tài nguyên phong phú, với nguồn lao động dồi dào, lại nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Đây là những lợi thế để Bình Định thúc đẩy phát triển công nghiệp nói chung trong đó có ngành chế biến gỗ nói riêng.

### *2.1.3.4. Chính sách của tỉnh về phát triển ngành chế biến gỗ*

Tỉnh đã trực tiếp chỉ đạo xây dựng “Đề án phát triển sản phẩm gỗ nội thất”, “Đề án phát triển công nghiệp phụ trợ phục vụ sản xuất chế biến đồ gỗ”. *Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh* của Bình Định được đánh giá và xếp loại vào nhóm tốt và rất tốt.

## **2.2. Thực trạng hoạt động của ngành chế biến gỗ tỉnh Bình Định giai đoạn 2005 - 2010**

### ***2.2.1. Số lượng doanh nghiệp***

Năm 2005 có 79 doanh nghiệp (DN) và cơ sở, với số vốn dưới 10

tỷ đồng (chiếm 35%). Sau 5 năm, số lượng tăng lên 171 DN và cơ sở, trung bình hàng năm tăng 21,3%/năm. Trong đó, quy mô về nguồn vốn dưới 10 tỷ đồng có 86 đơn vị (chiếm 50%).

### **2.2.2. Quy mô các cơ sở chế biến**

#### **2.2.2.1. Về qui mô nguồn vốn**

Sau 5 năm phát triển (2005-2007), số lượng doanh nghiệp và cơ sở chế biến tăng 92 đơn vị (đạt 116,5%). Mặc dù tăng về số lượng rất cao nhưng tới 86 đơn vị có vốn dưới 10 tỷ đồng (chiếm 50% tổng số doanh nghiệp và cơ sở). Như vậy, có thể khẳng định tăng mạnh về số lượng nhưng chất lượng các doanh nghiệp có qui mô nguồn vốn trên 200 tỷ đồng chỉ chiếm 5,2%, tương ứng với 9 đơn vị. Điều đó khẳng định ngành chế biến gỗ Bình Định có phát triển mạnh về số lượng nhưng chất lượng các doanh nghiệp có nguồn lực tài chính mạnh rất ít.

#### **2.2.2.2. Về nguyên liệu gỗ**

Giai đoạn 2005 đến 2010, tổng giá trị nhập khẩu của ngành là 442.654.000 USD tương ứng 2.117.657 m<sup>3</sup> gỗ quy tròn, trung bình hàng năm nhập khẩu trên 80% nguyên liệu gỗ, trong khi đó kim ngạch nhập khẩu nguyên liệu so với xuất khẩu sản phẩm gỗ giao động từ 32% đến 48%. Giá gỗ nguyên liệu trên thị trường thế giới luôn biến động và có xu hướng ngày một tăng.

#### **2.2.2.3. Về nguồn nhân lực**

Số lao động của ngành bình quân giai đoạn 2005-2009 khoảng 40.167 người (chiếm 70% trong ngành công nghiệp chế biến).

So với mặt bằng khảo sát chung của 120 doanh nghiệp chế biến gỗ cả nước thì ngành chế biến gỗ Bình Định có trình độ cán bộ quản lý từ cao đẳng, đại học và trên đại học đạt 78,4%, công nhân có trình độ sơ cấp và kỹ thuật trở lên gần 80% là mức cao của cả nước.

#### **2.2.2.4. Về nhà xưởng - thiết bị và công nghệ**

*a. Nhà xưởng*

Theo kết quả điều tra 50 doanh nghiệp, trong khu công nghiệp có diện tích trung bình là 29.195 m<sup>2</sup>, có thể đáp ứng yêu cầu sản xuất. Ngoài khu công nghiệp, diện tích đất trung bình là 10.750m<sup>2</sup>.

*b. Thiết bị và công nghệ*

**Bảng 2.14. Nhận định của DN về trình độ thiết bị và công nghệ**

Tiêu thức	Hiện đại		Trung bình		Lạc hậu	
	Số DN	%	Số DN	%	Số DN	%
So với các doanh nghiệp trong nước	12	24,0	30	60,0	8	16,0
So với mức bình quân khu vực	0	0,00	10	20,0	40	80,0
So với mức bình quân của thế giới	0	0,00	5	10,0	45	90,0

*Nguồn: Từ kết quả khảo sát DN chế biến gỗ tỉnh Bình Định 2010*

**2.2.3. Các sản phẩm gỗ**

Chất lượng sản phẩm của ngành đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001: 2000 hoặc 2008; thực hiện quy trình quản lý Chuỗi hành trình CoC FSC (đã có trên 80 chứng chỉ CoC FSC), VFTN, BSCL...

**Bảng 2.15. Sản lượng ngành chế biến gỗ từ năm 2005 – 2010**

*(theo giá cố định năm 1994)*

Số TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	2005	2006	2007	2008	2009	2010	Tăng trưởng bình quân 2005-2010 (%)
1	Dăm gỗ	Tấn	152794	169443	248139	282193	299689	329658	16,6
2	Ghế gỗ	1000 cái	3850	4373	5280	6390	4227	5192	6,2
3	Bàn ăn	1000 cái	1230	1391	1634	1802	1244	1520	4,3
4	Các đồ nội thất khác	1000 cái	131	168	192	321	185	240	12,9

Trong 6 năm qua, hoạt động sản xuất chế biến và xuất nhập khẩu của ngành chế biến gỗ Bình Định có bước phát triển theo hướng tích cực, sản phẩm đa dạng về kiểu dáng, đáp ứng ngày càng tốt hơn theo yêu cầu của khách hàng, nhiều doanh nghiệp phát triển những dòng sản phẩm khác nhau như: Gỗ kết hợp với nhôm, gỗ kết hợp sợi nhựa, gỗ kết hợp với đá...

#### **2.2.4. Liên kết giữa các doanh nghiệp chế biến gỗ trong tỉnh**

Thông qua Hiệp hội sản xuất – xuất nhập khẩu và lâm sản Bình Định (FPA BinhDinh, thành lập năm 1999), hiện nay có 85 hội viên. Nhờ thế mà sự liên kết giữa các đơn vị trong Hiệp hội là lợi thế để ngành chế biến gỗ Bình Định cạnh tranh phát triển. Liên kết giữa các doanh nghiệp theo hướng chiều ngang, chưa tạo được sự liên kết chiều dọc trong sản xuất.

#### **2.2.5. Về thị trường và thương hiệu sản phẩm**

##### **2.3.5.1. Về thị trường**

Sản phẩm đồ gỗ chủ yếu xuất khẩu sang 2 thị trường chính là EU và Bắc Mỹ (chiếm trên 85%) cho hơn 60 quốc gia và vùng lãnh thổ. Tiêu thụ trong nước chiếm khoảng 5% - 7% sản lượng.

##### **2.3.5.2. Thương hiệu sản phẩm**

Qua số liệu khảo sát tình hình hoạt động của 50 doanh nghiệp

#### **Bảng 2.16. Đánh giá thương hiệu sản phẩm của doanh nghiệp**

Sản phẩm	Thị trường tiêu thụ			
	Xuất khẩu		Nội địa	
	Thương hiệu của chính doanh nghiệp	Thương hiệu của nhà sản xuất lớn	Thương hiệu của chính doanh nghiệp	Thương hiệu của nhà sản xuất lớn
1. SP gỗ ngoài trời	4%	96%	100%	0%
2. SP gỗ nội thất	2%	98%	100%	0%

*Nguồn: Từ kết quả khảo sát DN chế biến gỗ tỉnh Bình Định 2010*

## 2.2.6. Hiệu quả kinh tế của ngành chế biến gỗ tỉnh Bình Định

### 2.2.6.1. Giá trị sản xuất công nghiệp và kim ngạch xuất khẩu

Hàng năm ngành chế biến gỗ tỉnh Bình Định đem lại trên 33% tổng giá trị sản xuất công nghiệp và trên 61% kim ngạch xuất khẩu của toàn tỉnh. Là ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh nhà.

**Bảng 2.17. Giá trị sản xuất ngành chế biến gỗ từ năm 2005 – 2010**

(theo giá cố định năm 1994)

Đơn vị: Tỷ đồng

Năm	2005	2006	2007	2008	2009	2010	Tổng cộng
<b>Toàn ngành công nghiệp</b>	<b>3.118,2</b>	<b>3.705,7</b>	<b>4.729,5</b>	<b>5.564,7</b>	<b>5.792,5</b>	<b>6.580,5</b>	<b>29.491,1</b>
Công nghiệp chế biến	2.788,9	3.354,0	4.373,8	5.091,7	5.259,7	6.005,9	26.874
Công nghiệp chế biến gỗ	994,6	1.237,0	1.751,0	1.925,6	1.741,1	2.111,1	9.760
Tỷ trọng ngành CB gỗ trong ngành CN (%)	31,9	33,4	37	34,6	30,1	32,1	33,1

Nguồn: Cục Thống kê Bình Định

**Bảng 2.18. Kim ngạch xuất khẩu từ năm 2005 - 2010**

Đơn vị: Nghìn USD

Năm	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2006-2010
<b>Tổng kim ngạch XK</b>	<b>214.924</b>	<b>246.653</b>	<b>319.415</b>	<b>428.915</b>	<b>338.317</b>	<b>429.900</b>	<b>1.763.200</b>
Xuất khẩu hàng lâm sản	147.783	166.641	221.187	250.887	189.585	268.830	1.097.130
Xuất khẩu gỗ chế biến	147.095	165.355	221.080	250.263	189.145	263.765	1.089.608
Tỷ trọng KNXK gỗ so với tổng KNXK (%)	68,4	67	69,2	58,3	55,9	61,4	61,8

Nguồn: Đề án phát triển hàng XK - Sở Công thương Bình Định

**Bảng 2.19: Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ của Bình Định so với cả nước từ năm 2005 - 2010**

*Đơn vị: Triệu USD*

Năm	2005	2006	2007	2008	2009	2010
Cả nước	1.562	1.930	2.500	2.829	2.597	3.435
Bình Định	147,1	165,3	221	250,2	189,1	263,7
Tỷ trọng (%)	9,4%	8,6%	8,8%	8,8%	7,3%	7,7%

*Nguồn: Tổng hợp và tính toán của tác giả*

### 2.2.6.2. Hiệu quả sản xuất kinh doanh

**Bảng 2.21. Kết quả các doanh nghiệp lãi - lỗ từ năm 2005 - 2009**

Năm	2005	2006	2007	2008	2009
1. DN có lãi, trong đó:					
1.1. Số doanh nghiệp	68	80	91	84	114
1.2. Tổng mức lãi (triệu đ)	82.512	90.411	128.331	139.503	97.511
1.3. Lãi bình quân 1 DN (triệu đ)	1.213,4	1.130,1	1.410,2	1.660,8	855,4
2. DN lỗ, trong đó:					
2.1. Số doanh nghiệp	10	16	27	64	56
2.2. Tổng mức lỗ (triệu đ)	-2.302	-12.187	-13.010	-28.091	-52.166
2.3. Lỗ bình quân 1 DN (triệu đ)	-230,2	-761,7	-481,9	-438,9	-931,5
3. So với tổng số DN					
3.1. Số DN lãi (%)	87,2	83,3	77,1	56,8	67,1
3.2. Số DN lỗ (%)	12,8	16,7	22,9	43,2	32,9

*Nguồn: Thực trạng DN tỉnh Bình Định – Cục Thống kê Bình Định*

### 2.2.6.3. Hiệu quả tài chính

**Bảng 2.22. So sánh chỉ tiêu lợi nhuận trên doanh thu của các doanh nghiệp chế biến gỗ 2005 - 2009**

Năm	2005	2006	2007	2008	2009
1. Các doanh nghiệp chế biến: <i>Chỉ tiêu lợi nhuận/doanh thu (%)</i>	1,51	1,74	2,21	1,74	2,15
2. Các doanh nghiệp chế biến gỗ: <i>Chỉ tiêu lợi nhuận/doanh thu (%)</i>	2,09	1,8	1,93	1,6	0,69



Năm 2005: 1 đồng vốn tạo ra được 0,025 đồng lợi nhuận và 0,021 đồng lợi nhuận trên mỗi đồng doanh thu; năm 2009 là năm khó khăn nhất với 1 đồng vốn chỉ tạo ra 0,006 đồng lợi nhuận và 0,0069 đồng lợi nhuận trên mỗi đồng doanh thu.

#### *2.2.6.4. Chỉ tiêu hiệu quả sử dụng vốn*

Vốn chủ sở hữu của các doanh nghiệp thấp, chỉ chiếm khoảng 24% đến 25%, trong cơ cấu vốn phần lớn là vốn vay, nhưng lãi suất huy động vốn trong các năm qua luôn cao 2 đến 3 lần so với các nước trong khu vực.

#### *2.2.6.5. Chỉ tiêu thu nhập của người lao động*

Thu nhập của người lao động bình quân giai đoạn 2005 – 2009: *1,308 triệu đồng/người/tháng*, tương đối thấp so với ngành công nghiệp chế biến (*1,390 triệu đồng/người/tháng*).

### **2.3. Thuận lợi và khó khăn của ngành chế biến gỗ tỉnh Bình Định**

#### **2.3.1. Thuận lợi**

Có mạng lưới giao thông thuận lợi gồm: cảng biển quốc tế Quy Nhơn, đường bay trực tiếp đến Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; quốc lộ 1A và quốc lộ 19 đan xen theo trục Bắc – Nam và Đông Tây, cùng tuyến đường sắt thống nhất chạy dọc tỉnh.

Có mặt bằng và quỹ đất phục vụ xây dựng nhà máy chế biến gỗ và phát triển ngành công nghiệp phụ trợ, có giá thuê đất ưu đãi, dịch vụ tốt tại khu công nghiệp. Có diện tích rừng nguyên liệu gần 300.000 ha đáp ứng một phần gỗ nguyên liệu cho sản xuất xuất khẩu. Chi phí nhân công rẻ, nguồn lao động dồi dào, tay nghề công nhân được đào tạo cơ bản. Trình độ máy móc thiết bị đạt ở mức trung bình so với các trong nước khu vực.

Chế biến gỗ là ngành công nghiệp chủ yếu của Bình Định và luôn được lãnh đạo tỉnh và các sở ngành quan tâm hỗ trợ. Trong 6 năm

qua, Bình Định được xếp trong nhóm các tỉnh có chỉ số năng lực cạnh tranh thuộc loại tốt và tốt nhất của cả nước.

Việt Nam đã gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO, mặt hàng gỗ được giảm thuế nhiều. Hội nhập đã và đang mang lại những cơ hội nhất định cho các doanh nghiệp, đặc biệt là vấn đề tranh thủ vốn, nguyên liệu và cơ hội cải cách thủ tục hành chính.

### **2.3.2. Khó khăn**

Mẫu mã sản phẩm còn chưa đa dạng, chưa chủ động trong thiết kế, sản phẩm tự thiết kế chủ yếu tiêu dùng ở thị trường nội địa.

Mặc dù nguyên liệu đã được các doanh nghiệp quan tâm đầu tư, tuy nhiên sản lượng còn thấp, nguyên liệu gỗ có chứng chỉ hợp pháp mua với giá cao.

Hoạt động xúc tiến thương mại chưa được thực hiện đồng bộ và hiệu quả, hình thức nghèo nàn.

Quy mô chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ, vốn ít nên hạn chế rất nhiều trong việc mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ, tăng khả năng cạnh tranh.

Từ những bất lợi hiện nay, nguy cơ mà ngành chế biến gỗ Bình Định phải vượt qua đó là:

- Khách hàng ngày càng có ý thức trách nhiệm với môi trường, do đó yêu cầu về tiêu chuẩn sản phẩm sẽ ngày càng khắt khe hơn.
- Sự bất ổn về nguồn nhập khẩu nguyên liệu gỗ, phục vụ cho sản xuất do ảnh hưởng chính sách của các nước xuất khẩu cho chúng ta.
- Khách hàng đang có xu thế chuyển sang dùng các sản phẩm thay thế làm từ các vật liệu khác như inox, nhựa...

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

Qua phân tích thực trạng ngành chế biến gỗ tỉnh Bình Định ta thấy rằng mặc dù mặt hàng đồ gỗ tại Bình Định đóng góp hơn 33%

giá trị công nghiệp và trên 61% kim ngạch xuất khẩu, nhưng thực tế ngành còn rất nhiều hạn chế ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh và phát triển: Quy mô sản xuất nhỏ, việc tổ chức liên kết hợp tác sản xuất còn yếu kém; Mẫu mã sản phẩm theo đơn đặt hàng sẵn của người mua, hiếm có mẫu sáng tạo của riêng mình, chưa xây dựng được thương hiệu riêng, phải bán qua trung gian; Công nghệ sản xuất chậm đổi mới; nguồn nguyên liệu không chủ động được; thiếu trầm trọng nguồn nhân lực có tay nghề, kỹ thuật cao; thiếu vốn.

### **Chương 3**

#### **GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN**

#### **NGÀNH CHẾ BIẾN GỖ TỈNH BÌNH ĐỊNH**

##### **3.1. Chiến lược và mục tiêu phát triển ngành chế biến gỗ Việt Nam**

###### ***3.1.1. Chiến lược phát triển ngành chế biến gỗ Việt Nam***

Phát triển công nghiệp chế biến gỗ theo hướng đầu tư chiều sâu, chuyển hướng sử dụng nguyên liệu từ rừng tự nhiên sang rừng trồng, từng bước đổi mới công nghệ thiết bị nhằm tăng giá trị của sản phẩm gỗ, giảm khối lượng gỗ phế thải trên cơ sở chế biến tổng hợp, bao gồm sản xuất ván nhân tạo.

###### ***3.1.2. Mục tiêu phát triển ngành chế biến gỗ Việt Nam***

Đến năm 2015, hình thành và phát triển các Tập đoàn phân phối sản phẩm gỗ Việt Nam cả trên thị trường quốc tế và thị trường nội địa. Đến năm 2025, với giá trị kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ đạt từ 8 đến 9 tỷ USD.

##### **3.2. Chiến lược, mục tiêu phát triển ngành chế biến gỗ tỉnh Bình Định**

###### ***3.2.1. Chiến lược phát triển ngành chế biến gỗ tỉnh Bình Định***

Phát triển ngành chế biến gỗ phải đồng bộ từ sử dụng hợp lý tài nguyên, từ trồng rừng, cải tạo rừng, chuyển dần sang phát triển sản

phẩm gỗ nội thất. Việc đầu tư xây dựng máy móc thiết bị và công nghệ tiên tiến, hiện đại có kết hợp với công nghệ thiết bị truyền thống.

### **3.2.2. Mục tiêu phát triển ngành chế biến gỗ tỉnh Bình Định**

Giai đoạn 2011 – 2015, mỗi năm tăng hơn 20%, trong đó: nội thất với tốc độ tăng trưởng trung bình đạt trên 50% và chiếm hơn 30% trong tổng giá trị công nghiệp của ngành chế biến gỗ.

Xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường nội địa, phấn đấu đến năm 2020 hơn 20% doanh thu tại thị trường nội địa.

## **3.3. Giải pháp phát triển ngành chế biến gỗ tỉnh Bình Định**

### *3.3.1. Giải pháp về vốn*

- *Lý do đưa ra giải pháp:* Tình hình lãi suất tăng cao, mà phần lớn nguồn vốn của doanh nghiệp là vốn vay.

- *Giải pháp thực hiện:* Chú trọng tích lũy vốn, từng bước giảm dần tỷ trọng vốn vay trong tổng nguồn vốn. Mặt khác, Chính phủ chỉ đạo đồng bộ các giải pháp về tiền tệ; giảm đầu tư công; ổn định kinh tế vĩ mô; ưu tiên về vốn, có chính sách ưu đãi cho vay đầu tư công nghệ, máy móc thiết bị sản xuất tiên tiến.

- *Hiệu quả của giải pháp:* Giúp các doanh nghiệp có điều kiện để đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí lãi vay,... nhằm hạ giá thành, tăng khả năng cạnh tranh

### *3.3.2. Giải pháp cho nguồn nguyên liệu đầu vào*

- *Lý do đưa ra giải pháp:* Nhập khẩu chiếm 80%, giá gỗ nguyên liệu trên thị trường thế giới biến động lớn.

- *Giải pháp thực hiện:*

Đối với gỗ nhập khẩu: Các doanh nghiệp phải liên kết hỗ trợ với nhau, sau đó lên kế hoạch trình Chính phủ xét duyệt ký kết hợp đồng với nước có nguồn gỗ dồi dào, giá rẻ, ổn định.

Về gỗ trong nước: Cần quy hoạch diện tích đất trồng rừng mang tính tập trung; chọn giống cây cho năng suất cao, chất lượng tốt, có đặc tính phù hợp với sản xuất công nghiệp, sản xuất giống bằng công nghệ nuôi cấy mô; từng bước đăng ký những khu rừng đạt chứng chỉ FSC, đầu tư các nhà máy chế biến gỗ nhân tạo, ván MDF...

Nâng cao tay nghề đội ngũ công nhân, nghiên cứu việc cưa xẻ gỗ, lắp ráp hạn chế đến mức thấp nhất những hư hỏng trong sản xuất, tiết kiệm nguyên liệu gỗ trên từng m<sup>3</sup> tinh gỗ.

- *Hiệu quả của giải pháp*: Chủ động được nguồn nguyên liệu đầu vào, ổn định nguồn nguyên liệu, hạn chế tiêu hao nguyên liệu để hạ giá thành sản phẩm nhằm tăng khả năng cạnh tranh và phát triển.

### 3.3.3. Nghiên cứu và phát triển (R&D)

- *Lý do đưa ra giải pháp*: Công tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất hầu như các doanh nghiệp ít quan tâm hoặc có thì đầu tư rất thấp.

- *Giải pháp thực hiện*:

#### 1. Về máy móc thiết bị và công nghệ:

Dựa vào khả năng tài chính của mình để đầu tư công nghệ thích hợp, tránh lãng phí hoặc đầu tư mất cân đối. Cụ thể, định hướng phát triển một số loại thiết bị như sau: Các loại thiết bị xử lý nguyên liệu; các loại thiết bị sản xuất đồ mộc: Ưu tiên các thiết bị PLC, CNC; các thiết bị sản xuất ván ghép thanh, ván MDF, ván dán, ván dăm: theo công nghệ mới, ít ô nhiễm; các thiết bị sản xuất phụ kiện sử dụng trong sản xuất đồ mộc.

#### 2. Về nghiên cứu phát triển thị trường:

Đẩy mạnh hoạt động quảng cáo, tiếp thị sản phẩm, tích cực tham gia triển lãm các sản phẩm mới của mình tại các hội chợ trong và ngoài nước. Mở các đại lý tại thị trường lớn, bán hàng thông qua đại

lý, bán hàng giao tận nhà hoặc lập kênh phân phối đến trực tiếp tay người tiêu dùng. Ngoài ra, cần chủ động nghiên cứu nhu cầu thị trường nội địa để từng bước tiếp cận thị trường đầy tiềm năng này.

### 3. Về nghiên cứu sản phẩm

Các doanh nghiệp nên xây dựng trang web riêng, đăng ký với các cơ quan chức năng về quyền đăng ký bảo hộ thương hiệu của mình.

- *Hiệu quả của giải pháp:*

+ Giúp doanh nghiệp lựa chọn và quyết định đầu tư công nghệ phù hợp với năng lực của mình. Góp phần nâng cao năng suất sản xuất, giảm chi phí, giảm giá thành, tận dụng tối đa nguyên vật liệu, bảo vệ môi trường tốt hơn nhằm cho ra sản phẩm có tính cạnh tranh cao hơn.

+ Tăng số lượng khách hàng trong và ngoài nước. Thị trường càng mở rộng, càng đa dạng, phân khúc càng lớn sẽ tạo nhiều cơ hội cho doanh nghiệp sản xuất nhiều loại sản phẩm, nhiều cấp độ khác nhau đáp ứng cho từng loại khách hàng.

+ Sản phẩm của doanh nghiệp có tên tuổi và được người tiêu dùng biết đến, ngày càng mở rộng thị trường và bảo vệ được lợi ích chính đáng của mình trong quá trình cạnh tranh hội nhập.

#### 3.3.4. Giải pháp phát triển sản phẩm gỗ nội thất

- *Lý do đưa ra giải pháp:* Thị trường của sản phẩm nội thất vô cùng rộng lớn, có nhiều dòng sản phẩm đa dạng, phong phú, đáp ứng nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng toàn cầu; giúp đa dạng hóa thị trường, có thêm thời gian thích ứng các tiêu chuẩn môi trường và luật pháp như Đạo luật Lacey của Hoa Kỳ, FLEGT của EU, đồ gỗ nội thất không có tính thời vụ.

Sử dụng các nguồn nguyên liệu đa dạng, có sẵn như các loại gỗ rừng trồng hoặc gỗ vườn tại địa phương.

- *Giải pháp thực hiện:*

Tỉnh có chính sách khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp tiếp tục đầu tư phát triển sản xuất đồ gỗ nội thất như: Ưu đãi về thuế, giảm chi phí thuê mặt bằng, tổ chức hội thảo chuyên đề...

Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, tham gia hội chợ triển lãm sản phẩm gỗ nội thất, nhất là hội chợ triển lãm đồ gỗ nội thất tại Singarpore để phát triển thị phần xuất khẩu. Tham gia hội chợ triển lãm trong nước để mở rộng thị trường tiêu thụ nội địa.

Từng bước đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật về thiết kế. Trước mắt dựa trên đặc tính tay nghề truyền thống của công nhân sản xuất gỗ ngoài trời để sản xuất đồ gỗ nội thất.

*- Hiệu quả của giải pháp:*

Phấn đấu đến năm 2015, giá trị giá trị sản xuất công nghiệp của sản phẩm gỗ nội thất đạt trên 1.000 tỷ đồng, tăng 8 lần so năm 2010, chiếm tỷ trọng 25% so toàn ngành gỗ; tốc độ tăng trưởng trung bình giai đoạn 2011-2015 đạt trên 50%, đạt khoảng 100 triệu USD, chiếm tỷ trọng 30% so kim ngạch xuất khẩu ngành gỗ và 17% kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh. Giải quyết thêm khoảng 7.000 - 8.000 lao động có việc làm ổn định. Quảng bá thương hiệu đồ gỗ Bình Định, cả đồ gỗ ngoài trời và đồ gỗ nội thất.

### *3.3.5. Giải pháp cho nguồn nhân lực*

*- Lý do đưa ra giải pháp:* Đa số là lao động chưa qua đào tạo nên năng suất lao động còn thấp.

*- Giải pháp thực hiện:*

Về phía chính quyền: Đầu tư hỗ trợ cho đào tạo nghề bằng các quỹ hỗ trợ cho các trung tâm, trường dạy nghề công nhân kỹ thuật, nâng cấp, xây dựng thêm các trường đào tạo tay nghề sản xuất đồ gỗ, nâng cao tỷ lệ người lao động qua đào tạo.

Về phía doanh nghiệp: Ngành chế biến gỗ cần phải phối hợp chặt

chẽ với các trường đại học, cao đẳng, đặc biệt với các trường công nhân kỹ thuật về đào tạo theo đơn đặt hàng nhằm cung cấp nguồn lao động có chuyên môn, nghiệp vụ, tạo điều kiện tốt nhất để sinh viên chuyên ngành về lâm sản được thực hành, thực tập. Các cơ sở đào tạo trong việc nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học liên quan đến lĩnh vực chế biến gỗ. Tạo môi trường làm việc mang tính chuyên nghiệp.

Hiệp hội chế biến gỗ Bình Định định kỳ phối hợp với các cơ quan của tỉnh tổ chức các cuộc thi nâng cao tay nghề, có chính sách khen thưởng đãi ngộ hợp lý để khuyến khích người lao.

- *Hiệu quả của giải pháp:* Ổn định được nguồn lao động có tay nghề cho các doanh nghiệp; tiết kiệm chi phí đào tạo; nâng cao năng suất lao động.

### 3.3.6. Giải pháp liên kết các doanh nghiệp

- *Lý do đưa ra giải pháp:* Đa số các doanh nghiệp quy mô nhỏ, năng lực sản xuất chưa đáp ứng được những đơn hàng lớn.

- *Giải pháp thực hiện:*

Tăng cường liên kết hỗ trợ phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ cung cấp nguyên liệu vật tư và dịch vụ cho ngành chế biến gỗ như giấy bao bì, phụ kiện, hóa chất, vận chuyển, logistic...

Hiệp hội Sản xuất - Xuất nhập khẩu gỗ và lâm sản Bình Định là đơn vị đứng ra liên kết, cầu nối giữa các doanh nghiệp trong hiệp hội, đứng ra đàm phán ký kết các hợp đồng xuất khẩu hay nhập khẩu nguyên liệu. Trong tương lai, có thể đi đến sản xuất mang tính chuyên môn hóa từng khâu, từng công đoạn của sản phẩm nhằm phát huy tối đa khả năng của từng đơn vị thành viên.

- *Hiệu quả của giải pháp:*

Sẽ tạo nên sức mạnh tập thể về vốn nhằm có thể đáp ứng cho những lô hàng lớn, có thể sử dụng hết công suất hoạt động của máy



móc thiết bị, sự tập trung sản xuất theo từng công đoạn. Như vậy sẽ giảm đáng kể các chi phí cho từng doanh nghiệp.

## **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **1. Kết luận**

Ngành chế biến gỗ đã và đang đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của tỉnh Bình Định. Tuy nhiên, hiện nay các doanh nghiệp trong ngành vẫn chưa có sự quan tâm đúng mức đến cạnh tranh, thị trường và hội nhập. Để phát triển ngành chế biến gỗ bền vững, nâng cao hơn nữa năng lực cạnh tranh. Yếu tố quyết định vẫn là nguồn nguyên liệu, trình độ công nghệ thiết bị, lao động và nội lực bên trong của doanh nghiệp. Do đó, nhóm giải pháp dành cho doanh nghiệp sẽ giúp các doanh nghiệp chế biến gỗ khắc phục những điểm yếu, phát huy những lợi thế, nhằm phát triển ngành chế biến gỗ Bình Định là hạt nhân, đầu tàu của Vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung, kéo theo sự phát triển của ngành công nghiệp phụ trợ. Ngoài ra, đề tài cũng đề xuất một số giải pháp về phía Nhà nước trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển.

Theo đó, các doanh nghiệp trong ngành cần liên kết chặt chẽ với nhau để hình thành chuỗi giá trị sản xuất, chế biến gỗ xuất khẩu. Bên cạnh, cần quy hoạch và kế hoạch phát triển nguồn nguyên liệu ổn định cho chế biến gỗ, tiếp tục xúc tiến việc xin cấp giấy chứng chỉ rừng (FSC); tổ chức tốt việc nhập khẩu nguyên liệu đáp ứng cho nhu cầu sản xuất phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu; đồng thời tăng cường trồng rừng nguyên liệu nhằm đáp ứng nhu cầu cho chế biến gỗ, giảm dần sự phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu. Ngoài các sản phẩm đơn thuần làm từ gỗ, cần phát triển các mặt hàng nội thất làm từ các chất liệu khác hoặc kết hợp nhiều chất liệu trong một sản phẩm nội thất. Việc đa dạng hoá sản phẩm không những giúp thâm nhập thị

trường dễ dàng hơn mà còn tránh khả năng bị kiện bán phá giá, đồng thời tiết kiệm được nguyên liệu gỗ vốn đang là vấn đề khó khăn. Mở rộng các thị trường xuất khẩu như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản và những thị trường tiềm năng như: Nga, Đông Âu, Trung Đông...

Tóm lại, với những nỗ lực từ phía Nhà nước cùng với sự phát huy những lợi thế, khắc phục những hạn chế của mình, ngành chế biến gỗ tỉnh Bình Định sẽ ngày càng phát triển vững mạnh, tạo được thương hiệu “**đồ gỗ Bình Định**” góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà.

## **2. Kiến nghị**

- Chính phủ cùng với các Bộ ngành quan tâm tìm hiểu thông tin về nguồn nguyên liệu gỗ để ký các hợp đồng lớn. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tham gia trồng rừng. Xây dựng lộ trình để xác nhận các khu rừng có đủ tiêu chuẩn được cấp chứng chỉ rừng FSC. Thông qua các kênh ngoại giao nhằm xúc tiến thương mại và tổ chức các hội chợ triển lãm chuyên ngành ở nước ngoài. Cần có những chính sách ưu đãi khuyến khích các nhà khoa học, các doanh nghiệp nghiên cứu cải tiến về máy móc thiết bị, lập kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề cao vận dụng được máy móc tự động hóa (PLC, CNC) hiện đại...

- Đối với Tỉnh: Tăng cường việc trồng rừng bằng cách giao khoán rừng cho các doanh nghiệp và người dân. Có chính sách ưu đãi về vốn vay để đầu tư đổi mới công nghệ, phối hợp với các cơ quan Trung ương trong việc xúc tiến thương mại, chủ trì phối hợp với các bên để tăng cường sự liên kết giữa các doanh nghiệp.